

# PHẬT THUYẾT BỒ TÁT TU HÀNH KINH

*Đại Chánh (Taisho) vol. 10, no. 330*

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ  
Phiên âm & lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền  
Việt dịch: Thích nữ Huyền Chi (01/2007)  
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**  
**PO Box 91748, Henderson, NV 89009**  
Website <http://www.daitangvietnam.com>  
Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 330 《佛說菩薩修行經》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 330 《Phật thuyết Bồ-tát tu hành Kinh》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 330 《Phật nói Bồ-tát tu hành Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.9 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.9 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.9 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbета.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbета.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhờ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbета.org/result/cbintr.htm>)

=====

佛說菩薩修行經 (亦名威施長者問觀身行經)

Phật thuyết Bồ-tát tu hành Kinh (diệc danh uy thí Trưởng-Giả vấn quán thân hành Kinh )

KINH PHẬT THUYẾT BỒ TÁT TU HÀNH

(Cũng gọi là Kinh Trưởng giả Uy Thí hỏi về quán thân hành)

西晉河內沙門白法祖譯

Tây Tấn hà nội Sa Môn Bạch Pháp Tổ dịch

Sa-môn Bạch Pháp Tổ, người xứ Hà Nội (Trung Quốc), dịch vào đời Tây Tấn, 聞如是。一時佛遊舍衛國祇樹給孤獨精舍。

văn như thị。nhất thời Phật du Xá-vệ quốc Kì-Thọ Cấp cô độc Tịnh Xá。Tôi nghe như vậy, một thuở nọ đức Phật du hóa ở nước Xá-vệ, Tịnh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc

與大比丘千二百五十及眾菩薩五千人俱。

dữ Đại Tỳ-kheo thiên nhị bách ngũ thập cấp chúng Bồ-tát ngũ thiên nhân câu。

cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và năm ngàn Bồ-tát 皆尊菩薩神通叡達權慧變化。

giai tôn Bồ-tát Thần thông duệ đạt quyền tuệ biến hoá。

đều là những bậc Bồ-tát tôn trưởng, thần thông thấu suốt, quyền tuệ biến hóa

遊三千世界普利一切莫不蒙濟。於時舍衛國大城之中。

du tam thiên thế giới phổ lợi nhất thiết mạc bất mông tế。ư thời Xá-vệ quốc Đại thành chi trung。

đạo khắp ba ngàn thế giới làm lợi lạc khắp tất cả, không đâu không được nhờ ơn cứu giúp。Lúc đó, trong đại thành nước Xá-vệ

有豪長者名比羅達 (晉言威施)。

hữu hào Trưởng-Giả danh tỉ la đạt (tấn ngôn uy thí )。

có vị trưởng giả giàu sang tên là Tỷ-la-đạt (đời Tấn gọi là Uy Thí)

與其城中諸大長者五百人等。宿意同念。俱從舍衛大城中。

dữ kỳ thành trung chu Đại Trưởng-Giả ngũ bách nhân đẳng。tú ý đồng

niệm。câu tông Xá-vệ Đại thành trung。

cùng với năm trăm đại Trưởng giả đều nhất trí từ trong đại thành Xá-vệ

出往詣祇樹給孤獨精舍。

xuất vãng nghê Kì-Thọ Cấp cô độc Tịnh Xá。

qua đến Tịnh xá Kì Thọ Cấp Cô Độc,

前至佛所即皆稽首。繞佛三匝。問訊世尊却坐一面。於時世尊。

tiền chí Phật sở tức giai khê thủ。nhiều Phật tam tạp。vấn tấn Thế tôn khước tọa nhất diện。ư thời Thế tôn。

đến trước Phật cúi đầu, nhiễu quanh Phật ba vòng, thăm hỏi Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Lúc đó Thế Tôn

以無限達。因問威施及諸長者族姓子等。

dĩ vô hạn đạt. nhân vấn uy thí cập chu Trưởng-Giả tộc tính tử đẳng. dùng sự thông suốt vô hạn hỏi Trưởng giả Uy Thí và các nhà Trưởng giả khác

發何志乎詣如來耶。是時威施并諸長者。

phát hà chí hồ nghê Như-Lai da. thị thời uy thí tinh chu Trưởng-Giả. do duyên gì mà phát khởi chí nguyện đến chỗ Như Lai. Lúc đó, Trưởng giả Uy Thí cùng các Trưởng giả khác

即白佛言。吾等世尊。集坐靜處競有念言。

tức bạch Phật ngôn. ngô đẳng Thế tôn. tập tọa tĩnh xử cạnh hữu niệm ngôn. liền bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Lúc tu tập tĩnh tọa chúng con nghĩ rằng,

佛世難值人身由然。得脫離世同亦甚難。

Phật thế nan trị nhân thân do nhiên. đắc thoát ly thế đồng diệc thậm nan. Phật xuất hiện ở đời rất khó gặp, thân người khó gặp cũng như vậy, được thoát ly ở đời cũng là rất khó.

吾等竊議。為用何乘而至泥洹。

ngô đẳng thiết nghị. vì dụng hà thừa nhi chí nê hoàn.

Chúng con trộm nghĩ nên dùng thừa nào để đến Nê-hoàn,

當以聲聞緣一覺乘取泥洹耶。大乘普智泥洹脫乎。

đương dĩ thanh văn duyên nhất giác thừa thủ nê hoàn da. Đại thừa phổ trí nê hoàn thoát hồ.

nên dùng cỗ xe Thanh văn, Duyên giác để đến Nê-hoàn chăng? Nên dùng Đại thừa trí tuệ rộng khắp để đến giải thoát Nê-hoàn chăng?

時吾等舉心便發言曰。志願無上乘泥洹。

thời ngô đẳng cử tâm tiện phát ngôn viết. chí nguyện vô thượng thừa nê hoàn.

Lúc đó, tâm chúng con liền dậy lên lời rằng: Chí nguyện vô thượng thừa là đến Nê-hoàn.

身不以聲聞緣覺脫也。吾等世尊。

thân bất dĩ thanh văn duyên giác thoát dã. ngô đẳng Thế tôn.

Dùng thân Thanh văn và Duyên giác không thể giải thoát được. Bạch Thế Tôn!

志願發心無上獨尊正意。以斯法故。來奉如來。

chí nguyện phát tâm vô thượng độc tôn chánh ý. dĩ tu Pháp cố. lai phụng Như-Lai.

Chí nguyện của chúng con là phát tâm Vô Thượng Độc Tôn Chánh Ý, nên tu pháp nào để sau này phụng sự Như Lai?

云何世尊菩薩大士。內性常欲應於無上平等正真尊覺。

vân hà Thế tôn Bồ-tát Đại sĩ. nội tánh thường dục ứng u vô thượng bình đẳng chánh chân tôn giác.

Vì sao Thế Tôn và các vị Bồ-tát Đại sĩ bản tánh thường muốn ứng với Vô thượng bình đẳng chánh chân tôn giác?

當學何法而應行住。唯願如來垂慧普慈。

đương học hà Pháp nhi ứng hành trụ. duy nguyện Như-Lai thù tuệ phổ từ Phải nên học pháp nào để thực hành cho thích hợp? Ngưỡng mong Như Lai rủ lòng từ bi đem trí tuệ rộng lớn

以無極哀散示疑結。

dĩ vô cực ai tán thị nghi kết.

thương xót giải bày mỗi nghi.

爾時世尊。告威施曰。善哉善哉。

nhĩ thời Thế tôn. cáo uy thí viết. Thiện tai Thiện tai.

Lúc đó, Thế Tôn bảo Uy Thí rằng: Hay thay! Hay thay!

諸大長者乃能改俗。捨世之榮樂。發無上正真道意。

chư Đại Trưởng-Giả nãi năng cải tục. xả thế chi vinh lạc. phát vô thượng chánh chân đạo ý.

Các đại Trưởng giả có thể cải đổi thế tục, xả bỏ vinh hoa vui thú ở đời, phát tâm Vô thượng đạo chánh chân

觀詣如來又威施等。勤聽思念。

cận nghê Như-Lai hựu uy thí đẳng. tinh cần thính tư niệm.

mà đến chỗ Như Lai. Lại nữa, Uy Thí cùng các Trưởng giả cần phải lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ!

當演說之菩薩大士行。得無上等最正覺。

đương diễn thuyết chi Bồ-tát Đại sĩ hành. đắc vô thượng đẳng tối chánh giác.

Ta sẽ diễn nói về đức hạnh của Bồ-tát Đại sĩ

志作所應及其覺法。長者威施。

chí tác sở ứng cập kỳ giác Pháp. Trưởng-Giả uy thí.

cho đến chỗ làm thích ứng cùng giác pháp của các ngài để được Vô thượng đẳng tối chánh giác. Trưởng giả Uy Thí

并五百人即皆叉手受教而聽。時佛告曰。是諸長者。菩薩大士發行。

tinh ngũ bách nhân tức giai xoa thủ thọ giáo nhi thính. thời Phật cáo

viết. thị chư Trưởng-Giả. Bồ-tát Đại sĩ phát hành.

cùng năm trăm người đều cùng chấp tay vâng lời chỉ giáo mà lắng nghe. Lúc đó Phật dạy rằng: Này các Trưởng giả! Bồ-tát Đại sĩ muốn phát hạnh

欲應無上正真等最覺者。心向眾生。

dục ứng vô thượng chánh chân đẳng tối giác giả. tâm hướng chúng sanh.

ứng với Vô thượng chánh đẳng tối giác thì tâm phải hướng đến chúng sanh, 當建弘普無極大慈。志習念行勤執無捨。進學無忘。

đương kiến hoàng phổ vô cực Đại từ. chí tập niệm hành tinh cần chấp vô  
xả. tiến học vô vong.

trái lòng từ bi rộng khắp vô cùng, siêng năng tu tập chánh niệm kiên trì  
không bỏ, tinh tấn tu học không quên

是乃應於無上覺道。又諸長者。若有眾生。

thị nãi ứng ư vô thượng giác đạo. hựu chư Trưởng-Giả. nhược hữu chúng  
sinh.

thì liền thích ứng với đạo Vô thượng chánh giác. Lại nữa, này các Trưởng  
giả! Nếu có chúng sanh

分其所受身口意惡。彼行非故。命終墮獄故。

phân kỳ sở thọ thân khẩu ý ác. bỉ hành phi cố. mạng chung đọa ngục cố  
thọ thân khẩu ý xấu xí, vì họ làm những việc tội lỗi nên sau khi mạng  
chung đọa vào địa ngục.

諸長者。天地聚合集以眾苦。

chư Trưởng-Giả. Thiên địa tụ hợp tập dĩ chúng khổ.

Này các Trưởng giả! Trời đất hội tụ tạo ra các khổ

向諸網見眾生之類。存心大慈勤志大悲。守習學行專精如斯。

hướng chư võng kiến chúng sanh chi loại. tồn tâm Đại từ tinh cần chí Đại  
bi. thủ tập học hành chuyên tinh như tu.

nên phải luôn đem lòng đại từ đại bi hướng đến các loài chúng sanh trong  
lưới tà kiến, luôn học tập hạnh chuyên tinh như vậy.

其身不著衣被飲食。於諸利養意亦不貪。

kỳ thân bất trước y bị ẩm thực. ư chư lợi dưỡng ý diệc bất tham.

Thân không tham đắm y phục ăn uống, đối với các lợi dưỡng, ý cũng không  
tham,

以諸所珍樂盡施惠。念彼眾生。

dĩ chư sở trân lạc tận thí huệ. niệm bỉ chúng sanh.

đem các thứ trân báu và sự an vui mà bố thí hết cho họ. Nghĩ đến chúng  
sanh kia mà

慎行戒具忍進定智。如是長者。菩薩大士。

thận hành giới cụ nhẫn tiến định trí. như thị Trưởng-Giả. Bồ-tát Đại sĩ.

cần thận thực hành đầy đủ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.  
Như vậy, này Trưởng giả! Bồ-tát Đại sĩ

欲發無上正真道者。當習觀法乃應身行。爾時。

dục phát vô thượng chánh chân đạo giả. đương tập quán Pháp nãi ứng thân  
hành. nhĩ thời.

muốn phát tâm Vô thượng đạo chánh chân thì phải tu tập pháp quán, thân  
phải thực hành. Lúc đó,

威施及諸長者。吾等世尊。當修身三口四意三念法。

uy thí cập chư Trưởng-Giả. ngô đẳng Thế tôn. đương tu thân tam khẩu tứ ý  
tam niệm Pháp.

Uy Thí và các Trưởng giả thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con nên tu pháp quán ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý.

菩薩大士。云何應觀身行法耶。爾時世尊。

Bồ-tát Đại sĩ. vân hà ứng quán thân hành Pháp da. nhĩ thời Thế tôn.

Thế nào là Bồ-tát Đại sĩ quán pháp thân hành? Lúc đó, Thế Tôn

告威施等。如是長者。菩薩大士。

cáo uy thí đẳng. như thị Trưởng-Giả. Bồ-tát Đại sĩ.

bảo Uy Thí và các Trưởng giả rằng: Như vậy, này Trưởng giả! Bồ-tát Đại sĩ

有四十二事而以觀身。作是觀已。離想結纏身心意識。

hữu tứ thập nhị sự nhi dĩ quán thân. tác thị quán dĩ. ly tưởng kết triển thân tâm ý thức.

có bốn mươi hai việc dùng để quán thân. Làm pháp quán này xong, lìa bỏ được các vọng tưởng trói buộc thân tâm và ý thức,

縛著吾我貪身壽命。濁亂諸非應便除盡。

phược trước ngô ngã tham thân thọ mạng. trước loạn chu phi ứng tiện trừ tận.

các vọng tưởng trói buộc về tham thân và mạng sống, sự tán loạn và lỗi lầm của chúng ta liền được tiêu trừ.

是時威施及諸長者。受教而聽。佛言。菩薩大士。

thị thời uy thí cập chư Trưởng-Giả. thọ giáo nhi thính. Phật ngôn. Bồ-tát Đại sĩ.

Lúc đó, Uy Thí cùng các Trưởng giả vâng lời lắng nghe. Phật dạy: Bồ-tát Đại Sĩ

觀身污穢本為不淨。觀身臭處純積腐爛。

quán thân ô uế bản vi bất tịnh. quán thân xú xử thuần tích hủ lạn.

quán thân này vốn là ô uế bất tịnh; quán thân là nơi hôi hám toàn chứa đồ hư thối;

觀身危脆要當毀壞。觀身無強當歸碎散。

quán thân nguy thúy yếu đương hủy hoại. quán thân vô cường đương quy toái tán.

quán thân này mong manh sẽ bị hư hoại; quán thân này không bền cứng, cuối cùng rồi sẽ tan rã;

觀身如幻諸大變化。觀身惡露九孔諸漏。

quán thân như huyễn chư Đại biến hoá. quán thân ác lộ cửu khổng chư lậu.

quán thân như huyễn như hóa; quán thân chín lỗ thường chảy đáng chán ghét;

觀身盛然姪慾火熾。觀身焦燒興恚毒火。

quán thân thịnh nhiên dâm dục hỏa sí. quán thân tiêu thiêu hưng khuể độc hỏa.

quán thân chứa đầy lửa dâm dục hùng cháy; quán thân bị lửa độc sân giận thiêu đốt;

觀身愚冥癡矇毒盛。觀身羅網恩愛結縛。

quán thân ngu minh si mông độc thịnh. quán thân la vọng ân ái kết phược.  
quán thân chứa độc ngu si tâm tối; quán thân bị lưới ân ái trói buộc;  
觀身如瘡眾患纏繞。觀身可患四百四病。

quán thân như sang chúng hoạn triền nhiều. quán thân khả hoạn tứ bách tứ bệnh.

quán thân như bị các bệnh nhọt doanh vây; quán thân có thể mắc bốn trăm lẻ bốn bệnh;

觀身穢宅受諸蟲種。觀身無常逝歸塵土。

quán thân ế trạch thọ chu trùng chủng. quán thân vô thường thệ quy trần độ.

quán thân là ngôi nhà nhơ ế chứa các loại trùng; quán thân vô thường cuối cùng sẽ trở về với bụi đất;

觀身頑愚不達體法。觀身危陋毀落不久。

quán thân ngoan ngu bắt đạt thể Pháp. quán thân nguy lậu hủy lạc bất cứu.  
quán thân ngu dốt không thông suốt thể tánh các pháp; quán thân nguy hiểm không lâu sẽ bị hư hoại;

觀身無賴常懷多憂。觀身無堅老至苦極。

quán thân vô lại thường hoài đa ưu. quán thân vô kiên lão chí khổ cực.  
quán thân này không ích lợi thường ôm nhiều sầu não; quán thân không bền già đến khổ cực;

觀身無倚飾偽純詐。觀身難滿受盛無厭。

quán thân vô ý súc ngụy thuần trá. quán thân nan mãn thọ thịnh vô yếm.  
quán thân không chỗ cậy nhờ, trang súc toàn sự hư ngụy dối trá; quán thân khó đủ, thọ nhận thêm không chán;

觀身巢屈受眾色愛。觀身貪惑迷著五樂。

quán thân sào khuất thọ chúng sắc ái. quán thân tham hoặc mê trước ngũ lạc.

quán thân như hang ổ thọ nhận các sắc ái; quán thân tham mê say đắm năm món dục lạc;

觀身昧冥意懷喜悅。觀身無住生死種異。觀身識念懷想眾賤。

quán thân muội minh ý hoài hỉ duyệt. quán thân vô trụ sanh tử chủng dị. quán thân thức niệm hoài tưởng chúng tiện.

quán thân ý mê muội ngu tối lo nghĩ chuyện vui chơi; quán thân vào vào các loài sanh tử sai khác không dừng nghĩ; quán thân tâm thức lo nghĩ đến những tư tưởng thấp hèn;

觀身無友極養會離。觀身眾食狐吞狼爭。

quán thân vô hữu cực dưỡng hội ly. quán thân chúng thực hồ thôn lang tranh.

quán thân không đồng bạn, cung phụng hết mực rốt cuộc cũng xa lìa; quán thân các loài lang sói tranh nhau nhai nuốt;

觀身機關展轉無數。觀身係屬飲食所盛。



quán thân cơ quan triển chuyển vô số. quán thân hệ chúc ẩm thực sở thịnh.  
quán thân là cơ quan lưu chuyển vô số; quán thân là nơi cất chứa phụ  
thuộc vào sự ăn uống;

觀身叵視膿血臭滿。觀身毀滅趣非常法。

quán thân phá thị nùng huyết xú mẫn. quán thân hủy diệt thú phi thường  
Pháp。

quán thân không thể nhìn nổi cảnh tràn đầy máu mù xú uế; quán thân là  
pháp vô thường đi đến hủy diệt;

觀身如讎恒多怨害。觀身熱惱常懷憂結。

quán thân như thù hằng đa oán hại. quán thân nhiệt não thường hoài ưu  
kết。

quán thân như thù địch thường nhiều oán hại; quán thân thường nung nấu  
cất chứa lo sầu phiền não oán kết;

觀身聚殃五陰所誤。觀身苦器生死劇痛。

quán thân tụ ương ngũ uẩn sở ngộ. quán thân khổ khí sanh tử kịch thống.  
quán thân là nơi năm uẩn tụ hội tai ương phiền lụy; quán thân là đồ đựng  
khổ đau sanh tử thống thiết;

觀身非我眾緣積聚。觀身無命男女會散。

quán thân phi ngã chúng duyên tích tụ. quán thân vô mạng nam nữ hội tán.  
quán thân vô ngã, do các duyên tụ hội; quán thân không có nam nữ tụ hội  
rồi tan rã;

觀身為空根受諸情。觀身無實譬之如幻。

quán thân vi không căn thọ chư tình. quán thân vô thật thí chi như huyễn.  
quán thân là rỗng không, các căn lãnh thọ các tình; quán thân không thật  
giống như huyễn hóa;

觀身虛偽其現若夢。觀身偽惑為如野馬。

quán thân hư ngụy kỳ hiện nhược mộng. quán thân ngụy hoặc vi như dã mã.  
quán thân hư dối giả hiện như giấc chiêm bao; quán thân mê hoặc giống như  
ngựa đồng trống;

觀身詐欺其喻響像。是謂長者菩薩大士四十二事觀身行法。

quán thân trá khi kỳ dụ hưởng tượng. thị vị Trưởng-Giả Bồ-tát Đại sĩ tứ  
thập nhị sự quán thân hành Pháp。

quán thân khi dối giống như hình bóng tiếng vang. Này các Trưởng giả! Đó  
là bốn mươi hai pháp hành quán thân của Bồ-tát Đại sĩ.

其不觀者或貪身。心神意識由之起滅。

kỳ bất quán giả hoặc tham thân. tâm Thần ý thức do chi khởi diệt.  
Người quán như vậy thì không tham tiếc thân do đây tâm thần ý thức không  
sanh diệt.

其有菩薩如是觀已。愛著身命貪愛吾我。

kỳ hữu Bồ-tát như thị quán dĩ. ái trước thân mạng tham ái ngô ngã.  
Bồ-tát quán như vậy rồi, nếu có tham đắm thân mạng, yêu mến cái ta của  
mình,

疑垢倒謬及諸欲樂。有常之計皆悉除盡。

nghe cầu đảo mậu cập chu dục lạc。 hữu thường chi kế giai tất trừ tận。  
nghe nhờ xằng bậy, điên đảo lầm lẫn, ham muốn dục lạc, chấp có thường đều  
trừ diệt hết,

遵志守一不惜年壽。如是速具六度無極。

tuân chí thủ nhất bất tích niên thọ。 như thị tốc cụ lục độ vô cực。  
một lòng vâng giữ không tiếc tuổi tác thọ mạng。 Bồ-tát như vậy thì mau đủ  
Lục độ Ba-la-mật.

斯謂長者菩薩大士。以滿六德權化流布。

tu vị Trưởng-Già Bồ-tát Đại sĩ。 dĩ mãn lục đức quyền hóa lưu bố。  
Này các Trưởng già! Bồ-tát Đại sĩ do đủ sáu đức nên quyền biến hóa rộng  
khắp,

疾得無上成最正覺。於是世尊。

tật đắc vô thượng thành tối chánh giác。 ư thị Thế tôn。  
mau được Vô Thượng Tối Chánh Giác。 Lúc đó Thế Tôn

重加弘演說身行法。而歎頌曰。

trọng gia hoằng diễn thuyết thân hành Pháp。 nhi thân tụng viết。  
trùng tuyên lại pháp hành quán thân mà tán tụng rằng:

得為人甚難值

đắc vi nhân thậm nan trị  
Được làm thân người rất khó

要會死棄丘塚

yếu hội tử khí khâu trùng  
Chết vứt bỏ nơi mồ mả

偽欺我愚常惑

ngụy khi ngã ngu thường hoặc  
Ta thường ngu dối mê hoặc

是身求無反復

thị thân cầu vô phản phục  
Thân này thì lại không cầu

因眾苦以成惱

nhân chúng khổ dĩ thành não  
Do các khổ sanh phiền não

常困極於飢渴

thường khốn cực ư cơ khát  
Thường đói khát khổ vô cùng

常受身終無厭

thường thọ thân chung vô yếm  
Luôn thọ thân trọn không chán

為見色犯眾罪

vị kiến sắc phạm chúng tội  
Do thấy sắc phạm các tội

身不能如金剛

無以身造惡行

vô dĩ thân tạo ác hành  
Không dùng thân làm việc ác

狐狼食或爛壞

hồ lang thực hoặc lạn hoại  
Thối rữa hoặc hổ sói ăn

專興念貪色欲

chuyên hưng niệm tham sắc dục  
Chuyên khởi niệm tham sắc dục

晝夜受諸苦痛

trú dạ thọ chư khổ thống  
Đêm ngày thọ đủ các khổ

身癰滿盛不淨

thân ung mãn thịnh bất tịnh  
Thân chứa đầy nhọt bất tịnh

夫智者豈貪命

phu trí giả khởi tham mạng  
Phàm người trí sao tham mạng

強畜養劇親厚

cường súc dưỡng kịch thân hậu  
Cổ nuôi dưỡng rất chu đáo

彼緣是受獄痛

bỉ duyên thị thọ ngục thống  
Vì duyên kia thọ ngục khổ

無以是造惡業

thân bất năng nhu Kim cương  
Thân không thể như kim cương  
雖久存會歸死  
tuy cửu tồn hội quy tử  
Tuy sống lâu rồi cũng chết  
假長久養育身  
giả trường cửu dưỡng dục thân  
Như nuôi dưỡng thân dài lâu  
會飢渴不恆常  
hội cơ khát bất hằng thường  
Vì không thường nên đói khát  
更劫數因還值  
canh kiếp số nhân hoàn trị  
Qua kiếp số nhân gặp lại  
常發信莫犯罪  
thường phát tín mạc phạm tội  
Thường tín tâm không phạm tội  
其極壽億千載  
kỳ cực thọ ức thiên tải  
Sống lâu đến ức ngàn năm  
況其壽百歲者  
huống kỳ thọ bách tuế giả  
Huống là người thọ trăm năm  
若有念想吾我  
nhược hữu niệm tưởng ngô ngã đắc  
Nếu có niệm tưởng về ta  
常極意恣五樂  
thường cực ý tứ ngũ lạc  
Ý buông theo năm dục lạc  
斯之樂不永久  
tư chi lạc bất vĩnh cửu  
Dục lạc ấy không bền lâu  
當速離諸慳貪  
đương tốc ly chư khan tham  
Phải mau lìa các xan tham  
財非財譬如夢  
tài phi tài thí như mộng  
Tài phi tài như giấc mộng  
時一有或便盡  
thời nhất hữu hoặc tiện tận  
Lúc có một liền hết sạch  
若如幻化色惑  
nhược như huyễn hóa sắc hoặc  
Sắc như huyễn hóa mê hoặc  
是欲財誰欺身

vô dĩ thị tạo ác nghiệp  
Vậy nên không tạo nghiệp ác  
時興信念佛世  
thời hưng tín niệm Phật thế  
Đến lúc đó mới niệm Phật  
甘餽膳及香華  
cam hào thiện cập hương hoa  
Cùng đồ hương hoa ngon ngọt  
雖勉勵當何益  
tuy miễn lệ đương hà ích  
Tuy gắng sức đáng ích gì  
人雄尊佛之世  
nhân hùng tôn Phật chi thế  
Phật Thế Tôn ở nơi đời  
或墮三受苦毒  
hoặc đọa tam thọ khổ độc  
Hoặc thọ khổ trong ba đường  
勤自勉如救火  
cần tự miễn như cứu hỏa  
Tự siêng năng như cứu lửa  
憍縱身造獄殃  
kiêu túng thân tạo ngục ương  
Thân buông lung tạo khổ ngục  
得人身甚為難  
nhân thân thậm vi nan  
Được thân người là rất khó  
且自娛焉知後  
thả tự ngu yên tri hậu  
Tự vui thú nào biết sau  
諸苦毒至不遠  
chư khổ độc chí bất viễn  
Không còn xa khổ độc đến  
可得應大福祚  
khả đắc ứng Đại phúc tộ  
Mới có thể gặp phước lộc  
強以此偽眾生  
cường dĩ thử ngụy chúng sanh  
Do đây cưỡng gạt chúng sanh  
明智者不悖財  
minh trí giả bất lãn tài  
Bậc minh trí không tiếc tiền  
現虛偽花鮮彩  
hiện hư ngụy hoa tiên thái  
Hư dối hiện thắm hoa tươi  
愚濁惑墮顛倒

thị dục tài thùỵ khi thân  
Ai tham tài thì dối mình  
以眾苦致福財  
dĩ chúng khổ trí phúc tài  
Đem các khổ đổi phúc tài  
財非財五家事  
tài phi tài ngũ gia sự  
Tài phi tài của năm nhà  
謬順隨妻與子  
mậu thuận tùy thê dĩ tử  
Ngu lầm theo vợ với con  
覺無常了如此  
giác vô thường liễu như thử  
Nhu đây nếu rõ vô thường  
恩愛聚致苦惱  
ân ái tụ trí khổ não  
Ân ái hợp đến khổ não  
父母財身妻子  
phụ mẫu tài thân thê tử  
Cha, mẹ, của, thân, vợ con  
有貪惜不自覺  
hữu tham tích bất tự giác  
Có thương tiếc không tự biết  
愚頑者力求財  
ngu ngoan giả lực cầu tài  
Ngu đem sức cầu của cải  
慳不信不可從  
khan bất tín bất khả tòng  
Keo lẫn không thể tin theo  
外焦貪內熱詔  
ngoại tiêu tham nội nhiệt siểm  
Ngoài đuốc tham trong sốt nịnh  
談書籍或詩頌  
đàm thư tịch hoặc thi tụng  
Đàm đạo ghi chép ngâm tụng  
意麤獷性暴弊  
ý thô quánh tánh bạo tệ  
Ý thô bạo tánh xấu xa  
貪狼性無親友  
tham lang tánh vô thân hữu  
Tánh tham tham không bạn thân  
唯為財習追苦  
duy vị tài tập truy khổ  
Chỉ vì của chạy theo khổ  
順財故與此事

ngu trước hoặc dọa điên đảo  
Ngu mê muội dọa điên đảo  
用身故念與想  
dụng thân cố niệm dĩ tưởng  
Vì thân nên nghĩ và tưởng  
有何智為財惑  
hữu hà trí vi tài hoặc  
Người có trí sao mê tài?  
王勢強奪聚財  
Vương thế cường đoạt tụ tài  
Cậy thế vua đoạt của tiền  
終無意樂利家  
chung vô ý lạc lợi gia  
Ý trọn không thích tài lợi  
無貪惑著家獄  
vô tham hoặc trước gia ngục  
Nhà địa ngục cũng không tham  
皆留在行自當  
giai lưu tại hành tự đương  
Đều bỏ lại đi một mình  
唯恐財隨我滅  
duy khủng tài tùy ngã diệt  
Chỉ sợ của mất theo mình  
有智慮信無貪  
hữu trí lự tín vô tham  
Bậc trí lo tin không tham  
極自卑如兒僕  
cực tự ti như nhi bộc  
Thấp hèn đến như trẻ tớ  
諸聖賢所不詠  
chư Thánh hiền sở bất vịnh  
Chỗ Thánh hiền không ngợi khen  
以惑眾若姪女  
dĩ hoặc chúng nhược dâm nữ  
Để cảm hóa các dâm nữ  
諸慳人多妬嫉  
chư khan nhân đa đố tật  
Người keo lẫn nhiều tật đổ  
現卑謙強親人  
hiện ti khiêm cường thân nhân  
Hiện khiêm nhường cưỡng người thân  
智慮者莫信之  
trí lự giả mạc tín chi  
Người trí nghĩ không tin theo  
乃造起毒害心

thuận tài cổ dữ thử sự  
Vì thuận theo tài sản này  
是故智當省察  
thị cổ trí đương tỉnh sát  
Bậc trí phải nên quán xét  
金珠寶諸珍奇  
kim châu bảo châu trân kỳ  
Vàng ngọc châu báu trân quý  
為斯故興諍訟  
vì tu cổ hưng tránh tụng  
Vì đây nổi lên tranh tụng  
時可值人雄尊  
thời khả trị nhân hùng tôn  
Thì có thể gặp Hùng Tôn  
乃當有金寶地  
nãi đương hữu kim bảo địa  
Liên sẽ có đất vàng báu  
欲五樂純虛偽  
dục ngũ lạc thuần hư vọng  
Năm dục lạc toàn hư vọng  
欲若如夏盛熱  
dục nhược như hạ thịnh nhiệt  
Dục như nóng sốt mùa hè  
貪目色欲惑己  
tham mục sắc dục hoặc kỷ  
Mất tham sắc sẽ hại mình  
從習欲隨顛倒  
tòng tập dục tùy điên đảo  
Từ tập dục đến điên đảo  
從九十一劫中  
tòng cửu thập nhất kiếp trung  
Trải qua chín mươi một kiếp  
山須彌燒壞滅  
sơn Tu-Di thiêu hoại diệt  
Núi Tu di cháy thiêu hoại  
海陂池枯竭乾  
hải bi trì khô kiệt kiên  
Biển ao hồ khô cạn kiệt  
欲熾然亦如是  
dục sí nhiên diệc như thị  
Dục cháy bỏng cũng như vậy  
諸聰達明智士  
chư thông đạt minh trí sĩ  
Trí sĩ thông minh sáng suốt

nãi tạo khởi độc hại tâm  
Nên khởi lên tâm độc hại  
棄離慳妬邪事  
khí ly khan đồ tà sự  
Lià bỏ thói tà xan tham  
因福祚得致之  
nhân phúc tộ đắc trí chi  
Do nơi phước lộc mà được  
制是意整以法  
chế thị ý chỉnh dĩ Pháp  
Dùng pháp chế ngự ý này  
慈氏佛上如來  
từ thị Phật thượng Như-Lai  
Trên Phật Từ thị Như Lai  
焉知復在向生  
yên tri phục tại hướng sanh  
Lại biết cả nơi sanh đến  
愚迷惑欺詐意  
ngu mê hoặc khi trá ý  
Ý mê muội khi dối trá  
坐野馬因疲勞  
tọa dã mã nhân bì lao  
Khiến ngựa đồng trống mệt nhọc  
淫發醉失意志  
âm phát túy thất ý chí  
Say đắm khởi mất ý chí  
當何時值佛世  
đương hà thời trị Phật thế  
Khi nào gặp Phật ra đời?  
世乃有佛尊覺  
thế nãi hữu Phật tôn giác  
Đời mới có Phật Tôn Giác  
後何緣當得值  
hậu hà duyên đương đắc trị  
Nhờ duyên gì sau được gặp?  
天地燹永無餘  
thiên địa thiêu vĩnh vô dư  
Thiên địa tiêu vĩnh vô dư  
Trời đất cháy nước không còn  
有何智當著欲  
hữu hà trí đương trước dục  
Người có trí sao đắm dục?  
當察知居寂滅  
đương sát tri cư tịch diệt  
Nên biết xét nơi tịch diệt

有何貪奚可樂  
hữu hà tham hề khả lạc  
Đâu có gì đáng tham vui  
觀行習法之最  
quán hành tập Pháp chi tối  
Trước tiên thực hành quán pháp  
著恩愛貪濁意  
trước ân ái tham trước ý  
Đắm ân ái ý vẫn đục  
有妻子貪離別  
hữu thê tử tham ly biệt  
Tham vợ con cũng ly biệt  
便獨趣隨苦毒  
tiện độc thú tùy khổ độc  
Chi riêng mình đến khổ độc  
斯三界惱之甚  
tu tam giới não chi thậm  
Khổ não nhất trong ba cõi  
本愛時規與樂  
bổn ái thời quy dữ lạc  
Trước ân ái cùng lạc thú  
緣受三惡道苦  
duyên thọ tam ác đạo khổ  
Đến thọ khổ ba đường ác  
若當被諸惱根  
nhược đương bị chư não căn  
Nếu phải bị các phiền não  
勿以父造惡行  
vật dĩ phụ tạo ác hành  
Cha mẹ, bà con thân thuộc  
阿鼻痛無免救  
A-tì thống vô miễn cứu  
Không cứu khỏi khổ A-tỳ  
閻羅王獄卒地  
diêm la Vương ngục tốt địa  
Lính ngục của vua Diêm La  
兄弟妻子親友  
huynh đệ thê tử thân hữu  
Anh em vợ con thân hữu  
以得致身人身  
dĩ đắc trí thân nhân thân  
Để được đến làm thân người  
斷滅眾殃罪行  
đoạn diệt chúng ương tội hành  
Đoạn diệt hành vi tội lỗi

解是義不入網  
giải thị nghĩa bất nhập võng  
Hiểu nghĩa này không sa lưới  
莫戀屍塚囚獄  
mạc luyến thi trùng tù ngục  
Chớ luyến tiếc tù thầy chết  
不能免獄苦殃  
bất năng miễn ngục khổ ương  
Không thể thoát ngục khổ nàn  
所作行當自受  
sở tác hành đương tự thọ  
Gây tạo gì phải tự chịu  
彼無有代痛者  
bỉ vô hữu Đại thống giả  
Không có ai thay thế được  
莫若如妻與子  
mạc nhược như thê dữ tử  
Không bằng như vợ với con  
反成憂罪惱根  
phản thành ưu tội não căn  
Sau thành gốc rễ tội lo  
毒辛酸慘痛生  
độc tân toan thảm thống sanh  
Sống đời khổ đau bất hạnh  
妻及子無伐者  
thê cập tử vô phạt giả  
Vợ và con không ai thay  
及與母諸親屬  
cập dữ mẫu chư thân thuộc  
Chớ cùng nhau làm điều ác  
且莫如身行者  
thả mạc như thân hành giả  
Không gì bằng thân hành ấy  
彼不問父母事  
bỉ bất vấn phụ mẫu sự  
Không hỏi đến việc cha mẹ  
惟結却身善惡  
duy kết khước thân thiện ác  
Chỉ kết thiện ác của thân  
遭遇值不念惡  
tao ngộ trị bất niệm ác  
Gặp gỡ nhau không nghĩ ác  
除改前不善事  
trừ cải tiền bất thiện sự  
Cải đổi việc ác đã làm

已濁汚自防覆  
dĩ trược ô tự phòng phúc  
Tự phòng hộ sự ô nhiễm  
彼法王當散說  
bỉ Pháp Vương đương tán thuyết  
Nên khen lời Pháp vương kia  
身種作行自當  
thân chủng tác hành tự đương  
Thân làm gì phải tự chịu  
身所造即獲殃  
thân sở tạo tức hoạch ương  
Thân tạo gì liền gặp tai  
當其受苦痛時  
đương kỳ thọ khổ thống thời  
Lúc đang thọ những thống khổ  
及善厚無代者  
cập thiện hậu vô Đại giả  
Cùng thiện hậu không ai thay  
其欲脫獄楚毒  
kỳ dục thoát ngục sở độc  
Người muốn thoát ngục tù độc  
當勤念捨離欲  
đương tinh cần niệm xả ly dục  
Phải cần nghĩ xả bỏ dục  
家大熾多惱根  
gia Đại sí đa não căn  
Ngôi nhà lớn nhiều phiền não  
何慧達而樂是  
hà tuệ đạt nhi lạc thị  
Bậc trí tuệ sao an vui  
在家者憂利時  
tại gia giả ưu lợi thời  
Người tại gia lúc lo lợi  
有是眾萬端慮  
hữu thị chúng vạn đoan lự  
Có vạn điều lo toan tính  
十力教甚可樂  
thập lực giáo thậm khả lạc  
Mười lực dạy rất đáng ưa  
駭癡子無是志  
ngãi si tử vô thị chí  
Kẻ ngu si không chí này  
天地間專惑者  
Thiên địa gian chuyên hoặc giả  
Giữa trời đất kẻ mê mờ

莫信作無報應  
mạc tín tác vô báo ứng  
Chớ tin làm không báo ứng  
分別了行清淨  
phân biệt liễu hành thanh tịnh  
Phân biệt rõ hành thanh tịnh  
縱放意隨墮惱  
túng phóng ý tùy đọa não  
Ý buông lung theo phiền não  
譬喻之影隨形  
thí dụ chi ảnh tùy hình  
In hệt như bóng theo hình  
父母親不能免  
phụ mẫu thân bất năng miễn  
Cha mẹ thân không thể cứu  
是故智無戀欲  
thị cố trí vô luyến dục  
Nên người trí không luyến dục  
及眾縛枷鎖械  
cập chúng phược gia tỏa giới  
Cùng các gông cùm xiềng xích  
速行法世雄教  
tốc hành Pháp thế hùng giáo  
Sớm hành pháp Thế Hùng dạy  
火之起而常然  
hỏa chi khởi nhi thường nhiên  
Lửa bốc cháy thường nổi lên  
措大火恐難中  
khai Đại hỏa khủng nạn trung  
Trong đồng lửa nạn khiếp sợ  
居俗業營妻子  
cư tục nghiệp doanh thê tử  
Xây dựng cơ nghiệp, vợ con  
何智慧不捨家  
hà trí tuệ bất xả gia  
Trí tuệ sao không bỏ nhà  
無種栽取若根  
vô chủng tải thủ nhược căn  
Không gieo trồng sao gặt hái  
但惑家墮地獄  
đãn hoặc gia đọa Địa-ngục  
Chỉ đắm nhà đọa địa ngục  
興念想我妻子  
hung niệm tưởng ngã thê tử  
Luôn nhớ tưởng vợ con ta

愚頑意謂常存  
ngu ngoan ý vị thường tồn  
Ý ngu dốt cho thường còn

當佛世尊說是法時。威施之等五百長者。

đương Phật Thế tôn thuyết thị Pháp thời. uy thí chi đẳng ngũ bách Trưởng-Già.

Lúc Phật Thế Tôn nói pháp này, Uy Thí và năm trăm Trưởng già 應時速得柔順法忍。

úng thời đãi đắc nhu thuận Pháp nhẫn.

liền được Nhu nguyện pháp nhẫn.

從得忍已神通備具達知去來。聖智弘妙慧無罣礙。

tòng đắc nhẫn dĩ Thần thông bị cụ đạt tri khứ lai. Thánh trí hoằng diệu tuệ vô quái ngại.

Được nhẫn này xong, thần thông đầy đủ, biết quá khứ vị lai, Thánh trí rộng lớn, tuệ không quái ngại,

明曉眾生意志所趣欲。發起眾一切會者觀心之故。

minh hiểu chúng sanh ý chí sở thú dục. phát khởi chúng nhất thiết hội giả quán tâm chi cố.

thấy biết rõ ràng ý chí của chúng sanh muốn sanh đến chỗ nào; phát khởi quán tâm của tất cả mọi người trong đại hội xong

即說偈曰。

túc thuyết kệ viết.

liền nói kệ rằng:

快哉為大利

khoái tai vi Đại lợi

Hay thay vì lợi lớn

其有發心行

kỳ hữu phát tâm hành

Có người phát tâm làm

大乘心可樂

Đại thừa tâm khả lạc

Vui thích tâm Đại thừa

為人修橋梁

vì nhân tu kiều lương

Vì người làm cây cầu

眾生愛樂彼

chúng sanh ái lạc bỉ

Chúng sanh rất yêu thích

其有興發心

kỳ hữu hưng phát tâm

Nếu có người phát tâm

諸發菩提心

chư phát bồ đề tâm

不知之幻化身

bất tri chi huyễn hóa thân

Không biết rằng thân huyễn hóa.

眾利之最上

chúng lợi chi tối thượng

Hơn hết trong các lợi

求佛菩薩者

cầu Phật Bồ-tát giả

Cầu Phật và Bồ-tát

但欲安眾生

đãn dục an chúng sanh

Chỉ muốn an chúng sanh

志樂大乘者

chí lạc Đại thừa giả

Người chí vui Đại thừa

顏像眾欣覩

nhân tượng chúng hân đố

Mọi người ưa ngắm nhìn

志求菩薩道

chí cầu Bồ-tát đạo

Chí cầu Bồ-tát đạo

種德於福田

chủng đức ư phúc điền



Mà phát tâm Bồ-đề

深樂菩薩者

thâm lạc Bồ-tát giả

Người ưa thích Bồ-tát

隆聖菩薩心

long Thánh Bồ-tát tâm

Lớn tâm Thánh Bồ-tát

一切悉備足

nhất thiết tất bị túc

Đều hoàn bị tất cả

吾等快得利

ngô đẳng khoái đắc lợi

Chúng tôi vui được lợi

值佛能仁世

trị Phật năng nhân thế

Gặp Phật hay nhân từ

得逮聞是法

đắc đãi văn thị Pháp

Để được nghe pháp này

志即樂大乘

chí tức lạc Đại thừa

Chí liền thích Đại thừa

時佛便笑。世尊笑時。五色光出從口中。

thời Phật tiện tiếu。Thế tôn tiếu thời。ngũ sắc quang xuất tòng khẩu trung。

Lúc đó, đức Phật liền mỉm cười。Lúc Thế Tôn cười, từ nơi miệng phóng ra ánh sáng năm màu

奮輝暉晃昱色色各異。

phân huy huy hoàng dục sắc sắc các dị。

lung linh huy hoàng rực rỡ。Mỗi mỗi màu khác nhau

遂至無數光明普遍十方諸土。

toại chí vô số quang-minh phổ biến thập phương chư độ。

dần đến vô số ánh sáng chiếu khắp các cõi trong mười phương,

威景覆蔽一切釋梵日月天魔宮殿之明。當其佛笑及覆光時。

uy cảnh phúc tế nhất thiết thích phạm nhật nguyệt Thiên ma cung điện chi minh。đương kỳ Phật tiếu cập phúc quang thời。

uy cảnh che khuất tất cả ánh sáng của Thích Phạm, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ánh sáng cung điện của trời và ma。Đương lúc Phật mỉm cười phóng ánh sáng che khuất các thứ ánh sáng,

諸天龍神并世人民七萬二千。見佛神耀暉曄之變。

chư Thiên long Thần tinh thể nhân dân thất vạn nhị thiên。kiến Phật Thân diệu vi diệp chi biến。

Gieo trồng ruộng phước đức

得為三界明

đắc vi tam giới minh

Thì được rõ ba cõi

踰越諸眾意

du việt chư chúng ý

Vượt tâm các chúng sanh

能度諸眾生

năng độ chư chúng sanh

Có thể độ chúng sanh

愛樂興斯心

ái lạc hưng tu tâm

Ưa thích phát tâm này

師子最正覺

Su-tử tối chánh giác

Su tử tối chánh giác

菩薩觀身法

Bồ-tát quán thân Pháp

Pháp Bồ-tát quán thân

獲致於柔順

hoạch trí ư nhu thuận

Đạt đến chỗ nhu nhuyễn。

trời, rộng, Thần cùng nhân dân bảy vạn hai ngàn người thấy đức Phật biến hiện thần thông ánh sáng lung linh rực rỡ

亦皆自覺被如來明安育其體。

diệp giai tự giác bị Nhu-Lai minh an dục kỳ thể。

đều tự biết ánh sáng ấy từ trong thân của Nhu Lai.

各於座上忽然悉得無所從生法樂之忍。

các ư tọa thượng hốt nhiên tất đắc vô sở tông sanh Pháp lạc chi nhẫn。

Trên pháp tòa, mỗi người bỗng nhiên được Nhẫn vô sở tông lai pháp lạc。

其餘無數皆發無上正真道意。然其焰還繞身三匝。

kỳ dư vô số giai phát vô thượng chánh chân đạo ý。nhiên kỳ diệm hoàn nhiều thân tam tạp。

Vô số người khác đều phát tâm Vô Thượng Đạo Chánh Chân. Sau đó ánh sáng ấy trở lại nhiều quanh thân Phật ba vòng

而 its 威光忽從頂入。爾時賢者阿難。白佛。

nhi kỳ uy quang hốt tông đỉnh nhập。nhĩ thời hiền giả A-nan。bạch Phật。

rồi bỗng vào trong đỉnh đầu. Lúc đó Hiền giả A-nan bạch Phật rằng:

諸佛如來出現於世。安度眾生道教洋洋終不妄笑。

chư Phật như lai xuất hiện ư thế。an độ chúng sanh đạo giáo dương dương chung bất vọng tiếu。

Chư Phật Như Lai xuất hiện ở đời độ thoát chúng sanh, đạo giáo bao la rộng lớn trọn không vọng cười.

今者何因興發威顏而欣笑耶。善哉世尊如來降德。

kim giả hà nhân hưng phát uy nhan nhi hân tiếu da。Thiện tai Thế tôn Nhu-Lai hàng đức。

Ngày nay vì nhân duyên gì mà Phật hân hoan tươi cười? Hay thay Thế Tôn Như Lai ban đức

愍念一切無量諸天及世人民。

mẫn niệm nhất thiết vô lượng chư Thiên cập thế nhân dân。

thương nghĩ đến vô lượng chư Thiên và nhân dân,

皆使得安畜生禽獸蝸飛蠕動莫不蒙度。

giai sử đắc an súc sanh cầm thú quyên phi nhuyển động mạc bất mông độ。

súc sanh, cầm thú, các loài bò bay máy động khiến cho tất cả đều được an ổn không ai không được độ thoát.

願佛開解敷演笑意。爾時世尊告阿難曰。

nguyện Phật khai giải phu diễn tiếu ý。nhĩ thời Thế tôn cáo A-nan viết。

Ngưỡng mong đức Phật khai mở giải bày ý nghĩa của nụ cười. Lúc đó Thế Tôn bảo A-nan rằng:

汝見長者威施之等五百人不。唯然已見。世尊告曰。是諸長者。

nhữ kiến Trưởng-Giả uy thí chi đẳng ngũ bách nhân phủ。duy nhiên dĩ kiến。

Thế tôn cáo viết。thị chư Trưởng-Giả。

Ông thấy Uy Thí cùng năm trăm Trưởng giả đó không? Thưa vâng, có thấy.

Thế Tôn bảo rằng: Các Trưởng giả này

在過去諸佛植眾德本。從發無上正真道意。

tại quá khứ chu Phật thực chúng đức bản. tông phát vô thượng chánh chân đạo ý.

đã gieo trồng cội rễ phước đức và phát tâm Vô Thượng Chánh Chân ở chu Phật quá khứ.

如是阿難。長者威施五百人等。

như thị A-nan. Trưởng-Già uy thí ngũ bách nhân đẳng.

Như vậy, này A-nan! Uy Thí cùng năm trăm Trưởng già này

却後當更七十六劫不墮三苦。然後成佛當同一劫。

khước hậu đương canh thất thập lục kiếp bất đọa tam khổ. nhiên hậu thành Phật đương đồng nhất kiếp.

qua bảy mươi sáu kiếp sau không đọa ba đường khổ, sau đó đều cùng thành Phật trong một kiếp.

劫名勇猛皆同一字。

kiếp danh dũng mãnh giai đồng nhất tự.

Kiếp đều đồng một tên là Dũng Mạnh.

其號名曰華吉藏王如來無所著平等正覺道法御天人師。為佛世尊。

kỳ hiệu danh viết hoa cát tạng Vương Như-Lai vô sở trú bình đẳng chánh

giác đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư. vi Phật Thế tôn.

Phật hiệu là Hoa Cát Tạng Vương Như Lai Vô Sở Trú Bình Đẳng Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

各各所度極至無量。是時阿難重白佛言。

các các sở độ cực chí vô lượng. thị thời A-nan trọng bạch Phật ngôn.

Mỗi mỗi đức Phật đều độ đến vô lượng. Khi ấy A-nan lại bạch Phật rằng:

唯然世尊。甚深妙哉未曾有也。

duy nhiên Thế tôn. thậm thâm diệu tai vị tăng hữu dã.

Bạch đức Thế Tôn! Rất vi diệu thay việc chưa từng có!

如來散說是之弘奧無極要法。是經名何云何奉持。

Như-Lai tán thuyết thị chi hồng áo vô cực yếu Pháp. thị Kinh danh hà vân hà phụng trì.

Pháp yếu Như Lai khen ngợi đó là pháp thâm áo rộng lớn. Kinh này tên gọi là gì? Làm thế nào để phụng trì?

佛言阿難。是經名曰菩薩修行。

Phật ngôn A-nan. thị Kinh danh viết Bồ-tát tu hành.

Phật dạy A-nan: Kinh này tên là Bồ-tát Tu Hành,

亦名大士威施所問觀身行經。又斯阿難。是觀要法。

diệc danh Đại sĩ uy thí sở vấn quán thân hành Kinh. hựu tu A-nan. thị quán yếu Pháp.

cũng gọi là Kinh Đại Sĩ Uy Thí Sở Vấn Quán Thân Hành. Lại nữa, này A-nan! Chính pháp quán này mà

過去當來今現在諸佛。致道弘化無不由之。吾今成佛。

quá khứ đương lai kim hiện tại chư Phật. trí đạo hoằng hóa vô bất do  
chi. ngô kim thành Phật.  
chư Phật quá khứ, đương lai, hiện tại đến được đạo và hoằng hóa độ sanh,  
không gì không do pháp quán này. Nay Ta thành Phật

有身相好化于生死。

hữu thân tướng hảo hóa vu sanh tử.

có thân tướng tốt đẹp để giáo hóa sanh tử,

亦因此法當善書持諷誦讀說開示一切。佛說經已。賢者阿難大士。

diệc nhân thử Pháp đương thiện thư trì phúng tụng đọc thuyết khai thị  
nhất thiết. Phật thuyết Kinh dĩ. hiền giả A-nan Đại sĩ.

cũng do nơi pháp này mà khéo đảm đương, thọ trì, đọc tụng khai thị cho  
tất cả. Phật nói kinh xong, Hiền giả A-nan, Đại sĩ

威施五百人等。諸天龍神及世人民。聞經歡喜。

uy thí ngũ bách nhân đẳng. chư Thiên long Thần cấp thể nhân dân. văn Kinh  
hoan hỉ.

Uy Thí và năm trăm Trưởng giả, chư Thiên, Long, Thần cùng nhân dân nghe  
kinh xong đều hoan hỷ

皆起叉手。為佛作禮。

giai khởi xoa thủ. vi Phật tác lễ.

đứng dậy chắp tay đánh lễ Phật.

佛說菩薩修行經

Phật thuyết Bồ-tát tu hành Kinh

PHẬT NÓI KINH BỒ TÁT TU HÀNH

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và  
Lược Dịch Sun Apr 30 21:49:47 2006

=====